

Số: **66** /2021/QĐ-UBND Thừa Thiên Huế, ngày **08** tháng **11** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm “Hạt ươi” vào Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 71/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế Tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3627/TTr-STC ngày tháng 25 năm 2021 và thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1990/BC-STP ngày 21 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm “Hạt ươi” Mã III1107 vào mục III11 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 71/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tính tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

Mã nhóm, loại tài nguyên					Tên nhóm, loại tài nguyên/Sản phẩm tài nguyên	Đơn vị tính (đồng/kg)	Giá tính thuế (đồng)	Ghi chú
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5				
III					Sản phẩm của rừng tự nhiên			
	III11				Lâm sản khác			
		III1107			Hạt uoi			
			III110701		Hạt uoi tươi	kg	40.000	
			III110702		Hạt uoi khô	kg	100.000	

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh hướng dẫn cụ thể cho các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh thực hiện kê khai, nộp thuế tài nguyên theo đúng quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2021.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế);
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN, TC, ND.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Quý Phương